TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 11- 2019
Về việc: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Ông Hoàng Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 237/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T– Sinh năm 1992
Nơi cư trú: Tổ 17, ấp Phú Long, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Anh Bùi Đức T – Sinh năm 1982
Nơi cư trú: ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn vắng mặt có đơn vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/09/2019, bản tự khai ngày 25/09/2019, nguyên đơn chị Trương Thị Ttrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Tvà anh Bùi Đức T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 26/03/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hay cãi vả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trương Thị Tyêu cầu được ly hôn với anh Bùi Đức T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có có con chung, vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại chị T không mang thai.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

** Bị đơn anh Bùi Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hợp lệ nhưng không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày được ý kiến.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Tđối với anh Bùi Đức T. Về con chung không có, về tài sản chung đương sự không yêu cầu và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với anh Bùi Đức T có nơi cư trú tại xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Trương Thị T, bị đơn là anh Bùi Đức T, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án viết bản trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến tòa án viết bản khai, tham gia hòa giải đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử nên Tòa án vẫn tiếp tục xét xử theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Tvà anh Bùi Đức T là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Chị T cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản xác minh tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân. Ngoài ra ý chí của chị T về việc chấm

dứt quan hệ hôn nhân với anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh T.

[3].Về con chung: Không có nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trương Thị Tchịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Tvà anh Bùi Đức T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2018, ngày 26/03/2017 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước hết giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Tchịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001586 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hồ Văn Thanh